

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 8 năm 2018
Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC HÀ - HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Quang.

Hội thẩm nhân dân: - Ông Phan Tùng Long; ông Nguyễn Khắc Diện.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Hương.

Ngày 30/ 8/ 2018, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Lộc Hà đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 21/2018/TLST-HNGĐ ngày 20/ 3/ 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N. Sinh năm: 1989

Nơi ĐKKHKT: Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh H.

Nơi cư trú: Thôn P, xã B, huyện T, tỉnh H

Nghề nghiệp: Buôn bán.

Có mặt tại phiên tòa

Bị đơn: Anh Dư Xuân T. Sinh năm: 1985.

Trú tại: Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh H.

Nghề nghiệp: Hiện đang cải tạo tại Trại giam X

Có mặt tại phiên tòa

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Dư Xuân H. Sinh năm 1958 (*Có mặt tại phiên tòa*)

- Bà Đặng Thị H. Sinh năm 1964 (*Vắng mặt tại phiên tòa*)

đều trú quán tại Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/ 3/ 2018, bản tự khai ngày 29/ 3/ 2018, chị Nguyễn Thị N trình bày như sau:

Chị N và anh T có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 25/ 4/ 2009 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh H. Hai bên đi đến kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bên nào ép buộc bên nào.

Trong thời gian chung sống, chị N cho rằng anh T không có trách nhiệm với gia đình, luôn bỏ mặc vợ con để đi theo những thú vui bên ngoài nên bây giờ phải chịu cảnh tù tội. Cuộc sống gia đình trở nên u ám, chị N và anh T không thể hòa thuận luôn bất đồng quan điểm dẫn đến chị N đã làm đơn xin ly hôn nhiều lần nhưng sau đó chị N lại rút đơn còn anh T không biết ăn năn hối cải để cải tạo tốt nên chị N xét thấy tình cảm không còn nên làm đơn xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N và anh T có 01 đứa con chung là Dư Trần Bảo N, sinh ngày 25/9/2009. Nếu được ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con chung vì anh T đang cải tạo tại trại giam X nên không có điều kiện nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Chị N cho rằng không có nợ chung.

Còn anh Dư Xuân T cho rằng: Anh T và chị N có đăng ký kết hôn như chị N đã trình bày. Tuy nhiên sau khi anh T vi phạm pháp luật nên năm 2015 anh T vào trại giam X cải tạo thì chị N ở ngoài đã nghe lời xúi giục của bạn bè dẫn đến chị N yêu cầu xin ly hôn còn giữa anh T và chị N không có mâu thuẫn gì. Do đó anh T xét thấy tình cảm của mình với chị N đang còn nên muốn đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Theo anh T cho rằng: Trong quá trình chung sống, anh T và chị N đều không có thời gian chăm sóc con chung là Dư Trần Bảo N mà chủ yếu là do ông bà nội trực tiếp nên anh T yêu cầu được nuôi con chung và hiện nay anh T đang cải tạo nên tạm giao quyền nuôi con chung cho ông bà nội nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh T và chị N không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tuy nhiên, sau khi tiến hành lấy lời khai của anh Dư Xuân T và tiến hành hòa giải giữa các đương sự thì anh T không chịu ký vào biên bản, có xác nhận của Trại giam X.

Ý kiến của đại diện VKS tham gia phiên tòa: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1, điều 51; khoản 1, điều 56- Luật HNGĐ chấp nhận yêu cầu của chị N và xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Dư Xuân T.

- Về con chung: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 58, 81, 83, khoản 4 Điều 84 - Luật HNGĐ xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Giao anh T có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Dư Trần Bảo N đến tuổi trưởng thành và tạm giao cho ông Dư Xuân H và bà Đặng Thị H có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Dư Trần Bảo N, sinh ngày 25/9/2009 đến khi anh Dư Xuân T chấp hành xong hình phạt tù.

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 82-Luật HNGĐ xử buộc chị N có trách nhiệm đóng góp phí tổn nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ kể từ tháng 9/2018 đến khi con đủ tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị N có quyền thăm nom con chung; không ai được ngăn cản, cản trở.

Về án phí: Chị N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Chị N và anh T đi đến hôn nhân một cách tự nguyện, không bên nào ép buộc bên nào, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh H và tuân thủ theo các quy định khác của pháp luật. Do đó Tòa xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên trong quá trình chung sống, chị N cho rằng anh T không có trách nhiệm với gia đình, bỏ mặc vợ con để đi theo thú vui bên ngoài nên giờ phải chịu cảnh tù tội. Cuộc sống vợ chồng trở nên u ám, vợ chồng không hòa thuận, luôn bất đồng quan điểm. Chị N cũng đã cho rằng chị đã nhiều lần làm đơn xin ly hôn nhưng anh T không biết ăn năn hối cải, tu chí cải tạo nên chị N xét thấy tình cảm không còn nên đề nghị Tòa giải quyết cho được ly hôn. Còn anh T cho rằng vì anh T vi phạm pháp luật nên năm 2015 anh T vào trại giam X cải tạo thì chị N ở ngoài đã nghe lời xúi giục của bạn bè dẫn đến chị N yêu cầu xin ly hôn còn giữa anh T và chị N không có mâu thuẫn gì. Tại buổi làm việc tại Trại giam X anh T cho rằng đang còn tình cảm nên yêu cầu đoàn tụ nhưng tại phiên tòa hôm nay anh T cho rằng không còn tình cảm và cũng không đồng ý ly hôn còn giải quyết như thế nào tùy vào pháp luật.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh T không hợp tác, gây khó khăn trong việc hòa giải, xét xử còn chị N đã được Tòa án phân tích, khuyên bảo nhiều lần nhưng chị N vẫn một mực yêu cầu ly hôn. Do đó Tòa xét thấy tình cảm của chị Nguyễn Thị N và anh Dư Xuân T thật sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56-Luật HNGĐ xử cho chị N được ly hôn với anh T.

- **Về con chung:** Trong quá trình chung sống, chị N và anh T có 01 đứa con chung là Dư Trần Bảo N, sinh ngày 25/9/2009. Qua hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị N cho rằng sau khi ly hôn chị N phải đi làm ăn xa nên không thể có điều kiện chăm sóc con chung còn anh T cho rằng hiện nay anh đang cải tạo trong trại giam nên cũng không có điều kiện để chăm sóc con chung. Tại phiên tòa hôm nay chị N và anh T thống nhất giao con chung là Dư Trần Bảo N, sinh ngày 25/9/2009 cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành

và tạm giao quyền nuôi dưỡng con chung là Dư Trần Bảo N cho bố mẹ đẻ anh T là ông Dư Xuân H và bà Đặng Thị H trong thời gian anh T cải tạo.

Qua biên bản xác minh tại gia đình cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Dư Xuân H cho rằng hiện nay anh Dư Xuân T đang cải tạo tại Trại giam Xuân Hà không có điều kiện để chăm sóc con chung là Dư Trần Bảo N nên ông Dư Xuân H và bà Đặng Thị H sẽ nhận trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng và tạo mọi điều kiện về vật chất và tinh thần để cháu Dư Trần Bảo N phát triển tốt nhất trong thời gian anh Dư Xuân T cải tạo và cũng có yêu cầu chị Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm đóng góp phí tổn nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ và ý kiến của con chung là Dư Trần Bảo N có nguyện vọng được ở với ông Dư Xuân Hòa và bà Đặng Thị Hoa.

Do đó, Tòa xét thấy cần áp dụng điều 58, 81, 83, khoản 4 Điều 84 - Luật HNGĐ xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Giao anh T có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Dư Trần Bảo N đến tuổi trưởng thành và tạm giao cho ông Dư Xuân H và bà Đặng Thị H có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Dư Trần Bảo N, sinh ngày 25/9/2009 đến khi anh Dư Xuân T chấp hành xong hình phạt tù.

Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay ông H yêu cầu chị N phải đóng góp phí tổn nuôi con chung mỗi tháng là 10.000.000đ còn chị N cho rằng với hoàn cảnh của chị hiện nay đang khó khăn nên không thể đóng góp như ông H yêu cầu mà chỉ có thể đóng góp mỗi tháng là 2.000.000đ. Tòa xét thấy việc ông Hòa yêu cầu số tiền như trên là quá cao so với thu nhập bình quân chung tại địa phương cũng như hoàn cảnh của chị N và theo quy định của pháp luật. Do đó Tòa nghĩ nên chấp nhận số tiền đóng góp phí tổn nuôi con hàng tháng như chị N đưa ra là phù hợp. Do đó Tòa cần áp dụng khoản 2, điều 82-Luật HNGĐ xử buộc chị N có trách nhiệm đóng góp phí tổn nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ kể từ tháng 9/2018 đến khi con đủ tròn 18 tuổi.

Chị N vẫn có quyền qua lại, thăm hỏi đối với con chung không ai có quyền ngăn cấm, cản trở.

- **Về tài sản chung:** Chị N và anh T thống nhất không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- **Về án phí:** Chị N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- **Về tình cảm:** Áp dụng khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56- Luật HNGĐ xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Dư Xuân T.

- **Về con chung:** Áp dụng Điều 58, 81, 83; khoản 4 Điều 84 - Luật HNGĐ xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Giao anh T có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Dư Trần Bảo N đến tuổi trưởng thành và tạm

giao cho ông Dư Xuân H và bà Đặng Thị H có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Dư Trần Bảo N, sinh ngày 25/9/2009 đến khi anh Dư Xuân T chấp hành xong hình phạt tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 82-Luật HNGĐ xử buộc chị N có trách nhiệm đóng góp phí tồn nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ kể từ tháng 9/2018 đến khi con đủ tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị N có quyền thăm nom con chung; không ai được ngăn cản, cản trở.

- **Về án phí:** Áp dụng khoản 4, Điều 147-BLTTDS; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 xử buộc chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí LHST và 300.000đ án phí cấp dưỡng nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí LHST mà chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Hà theo biên lai thu tiền số 1621 ngày 20/3/2018. Anh Dư Xuân T không phải nộp tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh để xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng Nghiệp vụ TAND tỉnh;
- VKSND Lộc Hà (2 bản);
- Chi cục THA dân sự huyện Lộc Hà;
- UBND xã B; xã T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VPTA;
- Lưu HS.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Quang